

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2018/04/06					0.5 ≤ , ≤ 6 ± 0.1
△						6 < , ≤ 30 ± 0.2
△						30 < , ≤ 120 ± 0.3
△						120 < , ≤ 400 ± 0.5

7124

出図  
製作・検収用図面  
検収完了後要廃棄  
2023-05-29  
VDM 生産支援課

✓ Ra 6.3 (✓ Ra3.2 ✓ Ra1.6)

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-k

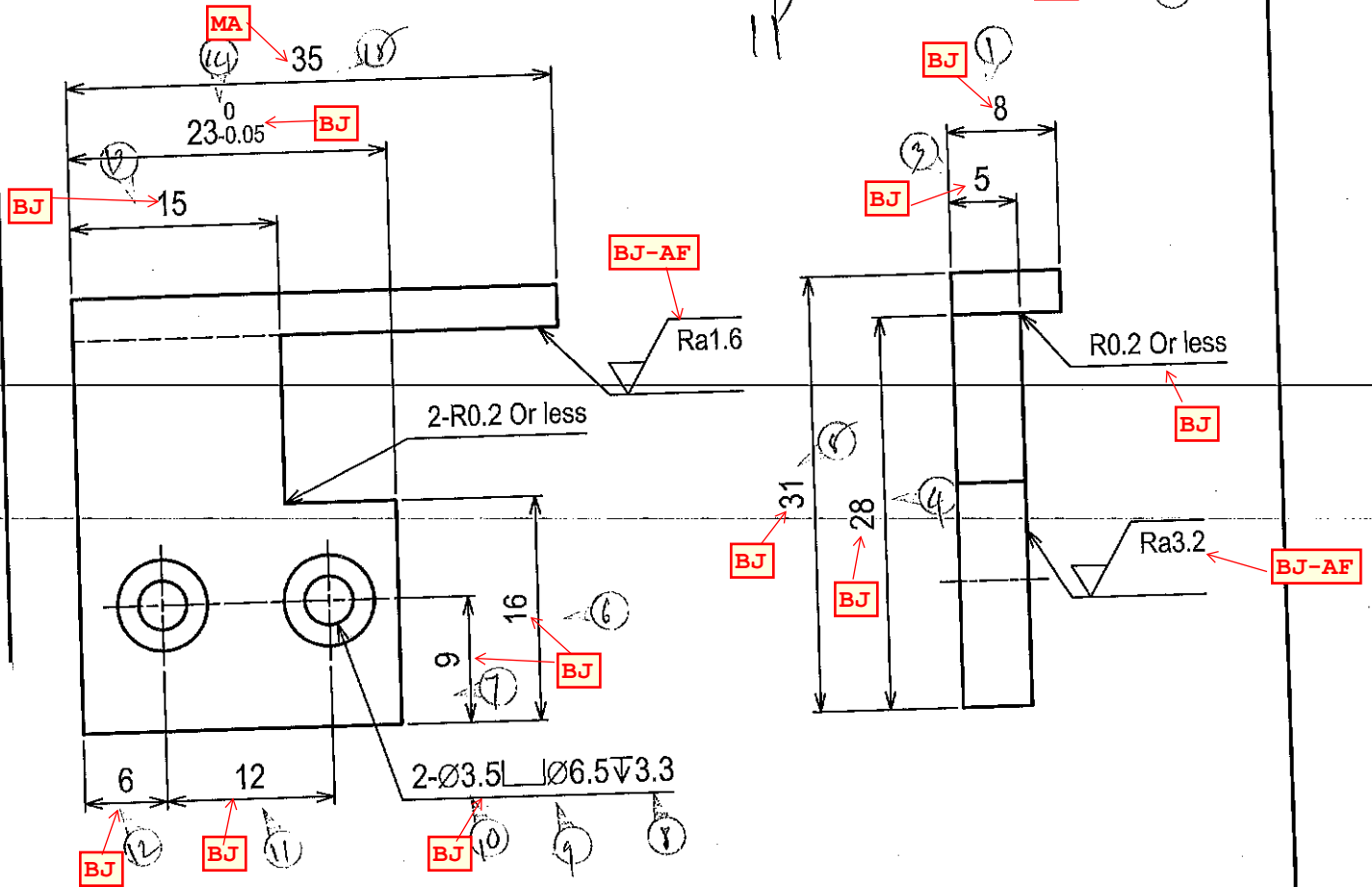
FINISH MARKS

213.305.153A  
IP

All C0.5

AF

②



20  
40  
60  
40  
20

DSGND.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
Hoang_Ngoc_Phuoc	Dong_Khac_Tu	部品図 PART DRAWING	案内 GUIDE
QUENCH&TEMPER	SURFACE	部品図	導件 導件
HRC 58° ~ 62°	⑬	部品図	
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.
SKD11	2018/04/06	2:1	R154643

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

T13+4r+41

414 305 0023

SNO: **R154643**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>SKD11</b> <b>T8*40*36</b>	AA:20 MA:20 BJ:60 HT:40 AF:20